

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGUYỄN THƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGUYỄN THƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGUYEN THUONG SERVICES AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109816438

3. Ngày thành lập: 12/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Tây Mỹ, thôn Văn Mỹ, Xã Hoàng Văn Thụ, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0964703444

Fax:

Email: thuonggiaphat68@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Loại trừ: Đấu giá	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Loại trừ: Đấu giá	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Loại trừ: Đấu giá	4530
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Loại trừ: Đấu giá	4543
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Loại trừ: Đấu giá	4610
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
13.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
14.	Bán buôn thực phẩm	4632
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6810
26.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
27.	Quảng cáo Loại trừ: Các loại Nhà nước cấm	7310
28.	Bán buôn tổng hợp Trừ loại Nhà nước cấm	4690
29.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
30.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
31.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
32.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
33.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
34.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
35.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
36.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
37.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
39.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
40.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
41.	Sao chép bản ghi các loại	1820
42.	Sản xuất than cốc	1910
43.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
44.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
45.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
46.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
47.	Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
48.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
49.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

50.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
51.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
52.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
53.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
54.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
55.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
56.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
57.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
58.	Đúc sắt, thép	2431
59.	Đúc kim loại màu	2432
60.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
61.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
62.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
63.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
64.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
65.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
66.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
67.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
68.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
69.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
70.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
71.	Sản xuất đồng hồ	2652
72.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
73.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
74.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
75.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
76.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
77.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
78.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
79.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
80.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
81.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
82.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
83.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
84.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vôi và van khác	2813

85.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
86.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
87.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
88.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
89.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
90.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
91.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
92.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
93.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
94.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
95.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
96.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
97.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: Đấu giá	4774
98.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
99.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
100.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
101.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
102.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
103.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Loại trừ: Đấu giá	4789
104.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Loại trừ: Đấu giá	4791
105.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Đấu giá	4799
106.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
107.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
108.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
109.	Bốc xếp hàng hóa	5224
110.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
111.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
112.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
113.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
114.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

115.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
116.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
117.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
118.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
119.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
120.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
121.	Sản xuất nhạc cụ	3220
122.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
123.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
124.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
125.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
126.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
127.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
128.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
129.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
130.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
131.	Xây dựng nhà để ở	4101
132.	Xây dựng nhà không để ở	4102
133.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
134.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
135.	Xây dựng công trình điện	4221
136.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
137.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
138.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
139.	Xây dựng công trình thủy	4291
140.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
141.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
142.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
143.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động nổ mìn	4311
144.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
145.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
146.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
147.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
148.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

149.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
150.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759(Chính)
151.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
152.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
153.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
154.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
155.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Địa chỉ thường trú: _____
 Địa chỉ liên lạc: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG THƯỜNG Giới tính: Nam
 Chức danh: Giám đốc
 Sinh ngày: 28/11/1978 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001078001842
 Ngày cấp: 10/07/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
 Địa chỉ thường trú: Số 101 đường Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Địa chỉ liên lạc: Xóm Tây Mỹ, thôn Văn Mỹ, Xã Hoàng Văn Thụ, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội